TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày: 24/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Triều
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lưu Thị Thôi
2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Giang Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022, Thông báo mở lại phiên toà số 23/2023/TBTA-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà ngày 15/2023/QĐHPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị P, Tên gọi khác: Không; Tại: Bình Thuận; Sinh năm: 1973; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn Văn L, xã Hàm M, huyện Hàm Thuận N, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: ông Nguyễn Văn H (đã chết), Mẹ: bà Nguyễn Thị H (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Sống chung như vợ chồng với Ngô Văn S; không đăng ký kết hôn). Con: Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1994, nghề nghiệp: Nội trợ; Trú tại: xã Phong N, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

2. Ngô Văn S; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu phố 2, phường Hưng L, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận; Sinh năm: 1977; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Ngô Văn L (đã chết); Mẹ: bà Nguyễn Thị C (đã chết); Anh chị

em ruột: 05 người, bị can là con thứ tư trong gia đình. Vợ: Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị P (không đăng ký kết hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/10/2008, S bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 77/HSST, đã được xóa án tích; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú".

Các bị cáo có mặt

Bị hại: ông Lê Văn Q - sinh năm 1949 (là trụ trì chùa Bửu Quang, vắng mặt).

Trú tại: khu phố 1, phường Bình H, thành phố Phan T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị P sống chung như vợ chồng với Ngô Văn S tại nhà trọ thuộc khu phố 6, phường Đức L, thành phố Phan T. Do P thường đi làm công quả ở chùa Bửu Q tại khu phố 1, phường Bình H, thành phố Phan T nên nghĩ trong chùa sẽ có tài sản để trộm cắp. Sáng ngày 01/6/2021, P nói với S vào chùa Bửu Q có tài sản gì có giá trị thì trộm cắp và giao xe mô tô biển số 86B3-183.62 của P cho S đi. Nghe lời P, khoảng 06 giờ 45 phút ngày 01/6/2021, S điều khiển xe mô tô biển số 86B3-183.62 từ nhà trọ đến chùa Bửu Q với mục đích trộm cắp tài sản. Tại đây, lợi dụng việc ông Lê Văn Q là trụ trì chùa Bửu Q, chỉ khép cửa phòng chứ không khóa, S đã lén lút vào phòng ông Q trộm cắp số tiền 30.000.000 đồng của ông Q để trên bàn. Sau khi lấy trộm được tiền ra khỏi phòng ông Q thì S gặp ông Phan Văn T. Ông T hỏi S đi đâu ở đây thì S nói đi thắp nhang rồi nhanh chóng lấy xe mô tô đi về phòng trọ. Về đến phòng trọ, S lấy 1.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân, số tiền 28.500.000 đồng còn lại S đưa cho P và nói mới trộm cắp được ở chùa Bửu Q. P sử dụng toàn bộ số định 05 chiếc nhẫn và tiền trên cùng S đi mua 05 nhẫn vàng trị giá 21.000.000 đồng tại 02 tiệm vàng trên đường Nguyễn H thuộc phường Đức N, thành phố Phan T và 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh dương trị giá 4.000.000 đồng tại một cửa hàng điện thoại ở gần ngã ba Tam B, thành phố Phan T (hiện P không còn nhớ rõ tên và địa chỉ cửa hàng đã mua 05 nhẫn vàng và điện thoại di động), còn lại 3.500.000 đồng P tiêu xài cá nhân.

Đến sáng cùng ngày 01/6/2021 ông Q thức dậy và phát hiện bị mất số tiền nói trên, việc này ông T cũng biết và nghi ngờ S là người đã trộm cắp tiền của ông Q vì ông T thấy S đi từ phòng ông Q ra lúc sáng sớm. Đến ngày 08/6/2021, S quay lại chùa Bửu Q thì bị ông T và những người làm công quả

trong chùa giữ lại, đưa lên công an phường Bình Hưng làm việc. Tại công an phường, S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Qua lời khai của S, công an phường Bình Hưng đã mời Nguyễn Thị P lên làm việc. Tại cơ quan công an, P đã thừa nhận hành vi xúi giục Ngô Văn S đến chùa Bửu Q tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp vào ngày 01/6/2021, đồng thời giao toàn bộ tài sản đã mua từ số tiền S trộm cắp được đưa cho P và 1.100.000 đồng còn lại.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn, bên trong có ghi chữ "Kim Hai", trọng lượng 02 chi.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn, bên trong có ghi chữ "Kim Loan", trọng lượng 01 chỉ.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn, bên trong có ghi chữ "TEO V TRUC", trọng lượng 0,3 chỉ.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn, bên trong có ghi chữ "SYLINH", trọng lượng 0,3 chi.

- 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn, bên trong có ghi chữ "VINHPHUC", trọng lượng 0,3 chỉ. Tất cả được niêm phong đúng quy định của pháp luật.

- 01 xe mô tô hiệu Sirius RC, BKS 86B3-183.62. 01 điện thoại di động màu xanh dương hiệu Redmi, số Imeil: 860823050048101, só Imei2: 86823050048119.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.100.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với vật chứng của vụ án là 05 chiếc nhẫn vàng, 01 điện thoại di động hiệu Redmi và 1.100.000 đồng tiền Việt Nam, xét thấy đây là tài sản mà P có được từ số tiền mà S đã trộm cắp của ông Lê Văn Q. Quá trình điều tra sau khi xác định 05 chiếc nhẫn vàng là vàng thật, loại vàng Y thì ông Q đã tự nguyện yêu cầu nhận lại toàn bộ số tài sản mà P đã giao nộp và cam đoan không có khiếu nại gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã xử lý vật chứng, giao lại tài sản cho người bị hại là ông Lê Văn Q. Sau khi nhận các tài sản trên, ông Q không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 86B3-183.62, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Nguyễn Thị P. Tuy nhiên vào ngày 01/6/2021, P đã có hành vi xúi giục S đến chùa Bửu Q trộm cắp tài sản và giao xe mô tô biển số 86B3- 18362 cho S làm phương tiện đi trộm cắp. Do đó, Viện kiểm sát đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết bảo quản chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 08/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phượng, Ngô Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi theo đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan thiết đã truy tố và thừa nhận Vào khoảng 07 giờ ngày 01/6/2021, tại chùa Bửu Q thuộc khu phố 1, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, Ngô Văn S nghe theo lời xúi giục của Nguyễn Thị P đã lén lút vào phòng của ông Lê Văn Q trộm cắp số tiền 30.000.000 đồng thì bị phát hiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị P, Ngô Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị P từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Ngô Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 86B3-183.62, đây là phương tiện của Nguyễn Thị P giao cho S đến chùa Bửu Q trộm cắp tài sản.

- Về dân sự: Người bị hại là ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Q đã tự nguyện yêu cầu nhận lại toàn bộ số tài sản mà P đã giao nộp và cam đoan không có khiếu nại gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã xử lý vật chứng, giao lại tài sản cho người bị hại là ông Lê Văn Q. Sau khi nhận các tài sản trên, ông Q không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

- Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo S nộp lại 1.500.000 đồng và bị cáo P nộp lại 3.500.000 đồng là tiền trộm cắp mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xác định cáo trạng truy tố là đúng không oan sai, các bị cáo không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Thiết, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra –

Công an thành phố Phan Thiết, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo và xuất trình các chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 01/6/2021, tại chùa Bửu Q thuộc khu phố 1, phường Bình H, thành phố Phan T, Ngô Văn S nghe theo lời xúi giục của Nguyễn Thị P đã lén lút vào phòng của ông Lê Văn Q trộm cắp số tiền 30.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 30.000.000 đồng, từ căn cứ nêu trên xét thấy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đối với các bị cáo là có căn cứ. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị P và Ngô Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khi phạm tội có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về mức độ phạm tội: Trong vụ án này có sự đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Thị P là người chủ mưu, xúi giục Ngô Văn S đi trộm cắp tài sản. Đối với Ngô Văn S là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên phải chịu chung trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, do vậy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật.

[5] Về mức hình phạt: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, giữ quyền công tố đã luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định

truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra ông Q đã tự nguyện yêu cầu nhận lại toàn bộ số tài sản mà P đã giao nộp và cam đoan không có khiếu nại gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phan Thiết đã xử lý vật chứng, giao lại tài sản cho ông Lê Văn Q. Sau khi nhận các tài sản trên, ông Q không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên chưa có căn cứ xem xét.

[7] Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo S nộp lại 1.500.000 đồng và bị cáo P nộp lại 3.500.000 đồng là tiền trộm cắp mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 86B3-183.62, đây là phương tiện của Nguyễn Thị P giao cho S dùng vào việc trộm cắp tài sản.

[9] Các bị cáo phải nộp tiền án phí và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Nguyễn Thị P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Ngô Văn S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe mô tô biển số 86B3-183.62 hiệu Sirius RC màu trắng đen, đây là phương tiện dùng vào việc trộm cắp tài sản.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 50 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết).

3. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo S nộp lại 1.500.000 đồng và bị cáo P nộp lại 3.500.000 đồng là tiền trộm cắp mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị P và Ngô Văn S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/3/2023). Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thành phố Phan Thiết;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố Phan Thiết
- Người tham gia tố tụng;
-UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Chi cục THADS Phan Thiết;
- Cổng TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Lưu Triều